

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2837/QĐ-UBND

U Minh Thượng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện U Minh Thượng về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – kế hoạch tại Tờ trình số /TTr-PTC ngày 31/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của huyện U Minh Thượng (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – kế hoạch, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Các phòng, ban ngành huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Khởi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	243.690
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	14.531
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	1.321
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	12.190
-	Thu tiền sử dụng đất	1.020
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	229.159
-	Thu bổ sung cân đối	150.725
-	Thu bổ sung có mục tiêu	78.434
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	243.690
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	167.477
1	Chi đầu tư phát triển	1.020
2	Chi thường xuyên	162.446
3	Dự phòng ngân sách	4.011
4	Chi bổ sung mục tiêu	
II	Chi các chương trình mục tiêu	76.213
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	76.213
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	243.690
I	Nguồn thu ngân sách	243.690
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	14.531
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	229.159
-	Thu bổ sung cân đối	150.725
-	Thu bổ sung có mục tiêu	78.434
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	243.690
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	206.312
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	37.378
-	Chi bổ sung cân đối	28.615
-	Chi bổ sung có mục tiêu	8.763
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	40.017
I	Nguồn thu ngân sách	40.017
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	2.639
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	37.378
-	Thu bổ sung cân đối	28.615
-	Thu bổ sung có mục tiêu	8.763
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	40.017

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	28.000	28.000
I	Thu nội địa	28.000	28.000
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	0	
	(Chi tiết theo sắc thuế)	0	
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	750	750
-	Thuế giá trị gia tăng	500	500
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	250	250
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	
	(Chi tiết theo sắc thuế)	0	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.900	5.900
-	Thuế giá trị gia tăng	5.200	5.200
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	700	700
-	Thuế tài nguyên	0	
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.300	5.300
6	Thuế bảo vệ môi trường	0	
7	Lệ phí trước bạ	8.600	8.600
8	Thu phí, lệ phí	0	
9	Thu phí và lệ phí	1.200	1.200
10	thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20	20
12	Thu tiền sử dụng đất	1.700	1.700
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	
14	Thu cố định tại xã	0	0
	(Chi tiết theo sắc thuế)	0	
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	430	430
16	Thu khác ngân sách	4.100	4.100
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	0	
II	Thu viện trợ		

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Dự toán	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
*	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	283.707	243.690	40.017
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	207.494	167.477	40.017
I	Chi đầu tư phát triển	1.020	1.020	
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.020	1.020	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	0		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		
-	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.020	1.020	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	201.678	162.446	39.232
	Trong đó:	0		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	111.074	111.074	
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0	
III	Dự phòng ngân sách	4.796	4.011	785
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	76.213	76.213	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0		
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	76.213	76.213	
-	Chi bảo trợ xã hội theo ND 136/2013/ND-CP	9.700	9.700	
-	Hỗ trợ nâng cấp đô thị	5.000	5.000	
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	8.492	8.492	
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa ND35	9.233	9.233	
-	Kinh phí sự nghiệp giao thông	3.944	3.944	
	Kinh phí BHYT theo QĐ 290/2005	84	84	
	KP nâng lương niên hạn	3.925	3.925	
-	Chi bổ sung tăng lương ND 47/2016, ND 72/2018	24.844	24.844	
-	Chi sự nghiệp môi trường, môi trường nông thôn	1.000	1.000	
-	Chi một số nhiệm vụ khác	2.860	2.860	
-	Đối ứng thực hiện CTMTQG xây dựng NTM	987	987	
-	Bổ sung nghị định số 116/2010	6.144	6.144	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	283.707
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	40.017
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	243.690
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	1.020
1	Chi đầu tư cho các dự án	
-	<i>Trong đó</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	1.020
II	Chi thường xuyên	162.446
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	111.074
2	Chi an ninh - quốc phòng	1.714
3	Chi y tế, dân số và gia đình	13.923
4	Chi văn hóa thông tin	1.203
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	887
6	Chi thể dục thể thao	316
7	Chi bảo vệ môi trường	990
8	Chi các hoạt động kinh tế	3.977
9	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	25.194
10	Chi bảo đảm xã hội	823
11	Chi sự nghiệp khác	386
12	Chi khác	1.547
13	Chi khen thưởng	414
III	Dự phòng ngân sách	4.011
IV	Chi bổ sung mục tiêu	76.213
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC, THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI ĐÀM BẢO XÃ HỘI
												CHI GIAO THÔNG	CHI KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11	12	13	
	TỔNG SỐ	175.526	1.714	129.905	0	13.755	926	736	181	400	855	0	707	148	26.232	823
I	KHỐI QLNN	144.719	0	129.743	0	0	0	0	0	400	855	0	707	148	12.898	823
1	VP HĐND-UBND Huyện	5.145									0				5.145	
2	Thanh tra Huyện	606									0				606	
3	Phòng Lao động - TB&XH	1.660									0				837	823
4	Phòng Tài chính - KH	855									0				855	
5	Phòng Nông nghiệp & PTNT	997									148			148		
6	Phòng Tài nguyên - MT	1.101								400	0				849	
7	Phòng Tư pháp	502									0				701	
8	Phòng Giáo dục	130.906		129.743							0				502	
9	Phòng Văn hoá - TTTT	650									0				1.164	
10	Phòng Kinh Tế & hạ Tầng	1.647									707		707		650	
11	Phòng Nội Vụ	2.151									0				940	
II	KHỐI MẤT TRẦN - ĐT	4.260		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4.260	0
1	UB Mặt trận TQ Huyện	911									0				911	
2	Hội Nông dân	913									0				913	
3	Hội LH Phụ nữ huyện	814									0				814	
4	Huyện Đoàn	879									0				879	
5	Hội Cựu Chiến binh	503									0				503	
6	Nhà Thiếu nhi	91									0				91	
7	Hội Khuyến học	150									0				150	
III	KHỐI DÀNG	8.769									0				8.769	
1	Văn phòng Huyện ủy	8.335									0				8.335	
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1.034		600							0				434	
IV	KHỐI SỰ NGHIỆP	16.065		162	0	13.755	926	736	181	0	0	0	0	0	306	
1	Trung tâm y tế	13.755				13.755					0					
2	Đài Truyền thanh	736						736			0					
3	Hội Chữ thập đỏ	306									0				306	
4	Trung tâm VH TT	1.107					926		181		0					
5	Trung tâm HTCD (xã)	162		162							0					
V	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	1.714	1.714								0					



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp				Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra						
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	
	TỔNG SỐ	2.802	2.802	492	2.310	37.215	0	0	40.017	
1	Xã Thanh yên	793	793	155	638	6.203			6.996	
2	Xã Thanh yên A	297	297	51	246	6.202			6.499	
3	Xã Vĩnh Hòa	264	264	52	212	6.203			6.467	
4	Xã Hòa Chánh	369	369	62	307	6.202			6.577	
5	xã An Minh Bắc	387	387	75	312	6.203			6.596	
6	xã Minh Thuận	694	694	97	597	6.202			6.896	